

Số: 06/TM-TTYT

Bình Nguyên, ngày 05 tháng 8 năm 2025

THƯ MỜI BÁO GIÁ
V/v báo giá cung cấp dịch vụ tư vấn đấu thầu

Kính gửi: Các đơn vị cung cấp dịch vụ tư vấn đấu thầu

Trung tâm Y tế huyện Bình Xuyên đang xây dựng kế hoạch đấu thầu mua sắm vật tư, sinh phẩm y tế và có nhu cầu thuê đơn vị tư vấn đấu thầu để lập hồ sơ mời thầu, đánh giá hồ sơ dự thầu; thẩm định hồ sơ mới thầu, thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu.

Kế hoạch đấu thầu mua sắm vật tư, sinh phẩm y tế của Trung tâm có một số nội dung cơ bản dự kiến theo Bảng kế hoạch đấu thầu sau:

Bảng kế hoạch đấu thầu

STT	Tên gói thầu (dự kiến)	Quy mô gói thầu (công việc chính của gói thầu)	Giá gói thầu (Dự kiến)	Hình thức, phương thức lựa chọn nhà thầu	Thời gian bắt đầu tổ chức lựa chọn nhà thầu.	Thời gian tổ chức lựa chọn nhà thầu.	Loại hợp đồng	Thời gian thực hiện gói thầu
01	Mua vật tư, sinh phẩm y tế phục vụ công tác chuyên môn năm 2025-2026 của các khoa, phòng	Mua 165 loại vật tư, sinh phẩm y tế phục vụ công tác chuyên môn (Có Phụ lục danh mục kèm theo thư mời này)	2.855.483.228	Đấu thầu rộng rãi, qua mạng, trong nước; Một giai đoạn, một túi hồ sơ.	Quý III năm 2025	60 ngày	Trọn gói (Gói thầu chỉ bao gồm 01 lô/phần)	365 ngày
02	Tư vấn lập HSMT và đánh giá HSDT	Lập HSMT và đánh giá HSDT(*)	Theo báo giá của đơn vị cung cấp dịch vụ được lựa chọn	Chỉ định thầu rút gọn	Quý III năm 2025	20 ngày	Trọn gói	70 ngày
03	Tư vấn thẩm định HSMT và thẩm định KQLCNT	Tư vấn thẩm định HSMT và thẩm định KQLCNT(**)	Theo báo giá của đơn vị cung cấp dịch vụ được lựa chọn	Chỉ định thầu rút gọn	Quý III năm 2025	20 ngày	Trọn gói	60 ngày.

(*): **Lập HSMT và đánh giá HSDT cho gói thầu: Mua vật tư, sinh phẩm y tế phục vụ công tác chuyên môn năm 2025-2026 của các khoa, phòng.**

(**): **Thẩm định HSMT và thẩm định KQLCNT cho gói thầu: Mua vật tư, sinh phẩm y tế phục vụ công tác chuyên môn năm 2025-2026 của các khoa, phòng.**



Đơn vị quan tâm và có khả năng cung cấp dịch vụ tư vấn đấu thầu gửi báo giá thực hiện các gói thầu: Lập HSMT và đánh giá HSDT; Tư vấn thẩm định HSMT và thẩm định KQLCNT (Số thứ tự 02 và Số thứ tự 03 trong Bảng kế hoạch đấu thầu) cho Trung tâm Y tế khu vực Bình Xuyên theo địa chỉ sau:

- Tên đơn vị yêu cầu cung cấp dịch vụ: Trung tâm Y tế khu vực Bình Xuyên.

- Địa chỉ: Tổ dân phố Chợ Cánh, xã Bình Nguyên, tỉnh Phú Thọ.

- Điện thoại: 0978.260.919

- Thông tin người nhận báo giá: Ds Nguyễn Văn Hùng (SĐT: 0344.465.166), Khoa Dược-VT, TBYT-KSNK, Trung tâm Y tế khu vực Bình Xuyên.

Giá báo giá đã bao gồm toàn bộ thuế, phí, chi phí thực hiện

Thời hạn tiếp nhận báo giá: từ ngày 05/8/2025 đến hết ngày 11/8/2025.

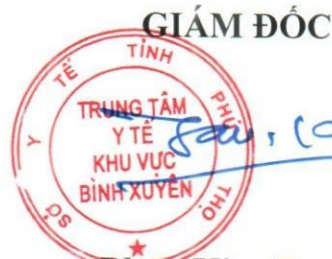
Các báo giá nhận sau thời điểm nêu trên sẽ không được xem xét.

Thời hạn có hiệu lực của báo giá: tối thiểu 60 ngày kể từ ngày báo giá.

Trân trọng./. 

Nơi nhận:

- Như trên;
- Tổ CNTT (đăng tải);
- Lưu: VT, KD.



Phan Kim Trọng



Phụ lục: Danh mục vật tư, sinh phẩm y tế mua sắm phục vụ công tác chuyên môn năm 2025-2026 của các khoa, phòng

(Kèm theo Thư mời báo giá số 06/TM-TTYT ngày 05/8/2025 của TTYTKV Bình Xuyên)

STT	Tên vật tư, sinh phẩm y tế hoặc tương đương	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
1	Bông y tế	Kg	211	
2	Cồn chai 70 độ, chai 500ml	Chai	70	
3	Cồn 70 độ	Lít	304	
4	Cồn chai 70 độ, chai 50ml	Chai	50	
5	Dung dịch sát khuẩn tay chứa cồn (ALFASEPTPURE hoặc tương đương). Chai 500ml	Chai	150	
6	Dung dịch khử khuẩn mức độ cao Cidex OPA	Lít	69	
7	Dung dịch tẩy rửa dụng cụ hoạt tính enzyme	Lít	5	
8	Nước cất tiệt trùng	Lít	50	
9	Dung dịch Acid acetic 3%	ml	3000	
10	Dung dịch Lugol 3%	ml	7500	
11	Xanh methylen 0,3%	ml	2000	
12	Viên khử khuẩn $\geq 2,5$ g	Viên	1000	
13	Cloramin B ~25%	Kg	62	
14	Dung dịch KOH 10%	ml	6000	
15	Cồn 96 độ	ml	14000	
16	Đỏ Fucsin 0.3%	ml	3000	
17	Băng cuộn y tế 10 cm x 5m	Cuộn	2787	
18	Băng dính lụa Nova 5cm x 5m	Cuộn	921	
19	Săng giấy	Cái	2000	
20	Kẹp rốn nhựa MPV	Cái	60	
21	Gạc hút y tế khổ 0,8m	mét	5919	
22	Găng tay khám bệnh	Đôi	50450	
23	Găng tay vô khuẩn	Đôi	2078	
24	Khóa 3 chạc có dây	Bộ	50	
25	Ống Falcon 50ml	Cái	1000	
26	Ống nghiệm lấy máu K2 EDTA MPV nắp cao su	Cái	20585	
27	Ống nghiệm lấy máu K2 EDTA MPV nắp nhựa	Ống	20802	
28	Ống nghiệm lấy máu Heparin MPV, nắp nhựa	Cái	42958	
29	Ống nghiệm nhựa có nắp	Cái	2000	
30	Ống nghiệm nhựa không nắp	Cái	28752	
31	Bơm tiêm 0,5ml	Cái	1500	

STT	Tên vật tư, sinh phẩm y tế hoặc tương đương	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
32	Bơm tiêm MPV sử dụng một lần 1ml	Cái	3241	
33	Bơm tiêm MPV sử dụng một lần 5ml	Cái	100005	
34	Bơm tiêm MPV sử dụng một lần 10ml	Cái	25005	
35	Bơm tiêm MPV sử dụng một lần 20ml	Cái	45004	
36	Bơm tiêm MPV sử dụng một lần 50ml	Cái	798	
37	BƠM CHO ĂN MPV 50ml	Cái	51	
38	Dây nối bơm tiêm điện ECO MPV	Cái	2024	
39	Kim tiêm MPV	Cái	50004	
40	Kim luồn không cánh, không cổng	Cái	1569	
41	Bộ dây truyền dịch MPV sử dụng một lần kim cánh bướm (Luer slip hoặc luer lock)	Cái	15003	
42	Kim châm cứu (dạng vi) các số	Cái	120001	
43	Kim quang (Kim máy laser nội mạch)	Cái	150	
44	Sonde cho ăn (sonde dạ dày người lớn)	Cái	20	
45	Ống thông tiểu (Sonde Nelaton)	Cái	25	
46	Cốc đựng mẫu (Đờm)	Cái	500	
47	Ống thông tiểu (2 nhánh số 16-26)	Cái	10	
48	Kim chích máu	Cái	500	
49	Kim luồn có cánh, có cổng bơm thuốc	Cái	70	
50	Ca-nuyn mở miệng	Cái	77	
51	Dây thở oxy MPV	Cái	129	
52	MẶT NẠ THỞ OXY (không túi)	Cái	36	
53	Mặt nạ thở oxy (có túi)	Cái	65	
54	Ống nội khí quản có bóng chèn	Cái	102	
55	Dây hút dịch MPV sử dụng một lần	Cái	200	
56	Mặt nạ thở oxy khí dung	Cái	30	
57	Chỉ Polyglactine 910 số 3/0 (Chỉ Vicryl 3/0)	Sợi	48	
58	Chỉ tự tiêu Catgus C50A40 hoặc tương đương, số 1	Sợi	12	
59	Chỉ tự tiêu DemeGUT hoặc tương đương, số 3	Sợi	96	
60	Chỉ Vicryl 6/0 (hoặc Chỉ Polyglactine 910)	sợi	24	
61	Chỉ nylon không tiêu số 2/0	Sợi	48	
62	Chỉ nylon không tiêu số 3/0	Sợi	276	
63	Chỉ DemeLON số 4/0 (Chỉ nylon không tiêu số 4/0)	Sợi	279	

STT	Tên vật tư, sinh phẩm y tế hoặc tương đương	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
64	Chỉ nylon không tiêu số 5/0	Sợi	279	
65	Chỉ phẫu thuật không tiêu tổng hợp số 2/0-[chỉ mắt]	Hộp	13	
66	Lưỡi dao mổ KIATO	Cái	2000	
67	Chỉ mắt Ancol 10/0	Sợi	24	
68	Phim X Quang DI-HL 20x25cm	Hộp	140	
69	Phim X Quang DI-HL 26x36cm	Hộp	125	
70	Phim X - Quang nha khoa rửa nhanh	Hộp	8	
71	Phim in laser AMV 20x25cm (8x10")	Hộp	15	
72	Phim in laser AMV 25x30cm (10x12")	Hộp	5	
73	Băng cố định khớp vai (Phải)	Cái	90	
74	Nẹp cánh cẳng bàn tay (Phải)	Cái	90	
75	Nẹp cẳng tay H4 (Phải)	Cái	120	
76	Nẹp cẳng tay ôm ngón tay (Phải)	Cái	50	
77	Nẹp đêm dài	Cái	130	
78	Đai thắt lưng	Cái	96	
79	Bông lót bó bột 10cm x 2,7m	Cuộn	300	
80	Bột bó 20cm x 2,7m	Cuộn	300	
81	Băng cố định khớp vai (Trái)	Cái	90	
82	Nẹp cánh cẳng bàn tay (Trái)	Cái	90	
83	Nẹp cẳng tay H4 (Trái)	Cái	120	
84	Nẹp cẳng tay ôm ngón tay (Trái)	Cái	50	
85	Nẹp cổ cứng	cái	100	
86	Mô vệt nhựa MPV	Cái	1800	
87	Miếng dán điện xung	Bộ	401	
88	Miếng dán điện cực tim	Cái	490	
89	Túi Camera	Cái	80	
90	Sâu máy thở	cái	100	
91	Đè lưỡi gỗ	Cái	32820	
92	Khẩu trang y tế	Cái	3000	
93	Bao cao su trơn	Cái	3000	
94	Đầu côn xanh	Cái	5000	
95	Đầu côn vàng	Cái	10000	



STT	Tên vật tư, sinh phẩm y tế hoặc tương đương	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
96	Que phết đờm	Cái	1000	
97	Cồn acid	ml	5000	
98	Dầu soi kính (Chai 500ml)	ml	500	
99	Lam kính mài (Hộp ≥ 72 chiếc)	Hộp	21	
100	Lamen thủy tinh	Hộp	10	
101	Fill lọc máy thở	cái	100	
102	Túi chườm nóng	cái	2	
103	Khóa ba chạc không dây	cái	50	
104	Bóng đèn hồng ngoại 100-250W	Cái	50	
105	Bóng đèn nội soi 24V 250W	cái	21	
106	Bộ cáp ECG	Bộ	3	
107	Cáp điện tim	Bộ	1	
108	Bao đo huyết áp	Bộ	7	
109	Blood glucose test strip (Test nhanh đường huyết)	Test	3027	
110	Que thử đường huyết dùng với máy đo đường huyết cá nhân (Tương thích với máy TD-4277 & FC-G168)	Test	3372	
111	Que thử nước tiểu 10 thông số	Test	30000	
112	Bộ thử nhóm máu ABO (Antin A; Antin B; Anti O) Bộ 3x10ml	Bộ	7	
113	Bộ thử nhóm máu Rh (Anti D (IgM+IgG)); Antin B; Anti O) Lọ 10ml	Bộ	4	
114	Kit định tính H.pylori bằng thuốc thử Urease	Test	500	
115	Test thử morphin	Test	1200	
116	Test thử ma túy 5 chân	Test	600	
117	Que thử HIV	Test	1177	
118	Que thử viêm gan B HBsAg	Test	1200	
119	Que thử viêm gan C HCV	Test	300	
120	Test nhanh viêm gan E	Test	300	
121	Test nhanh viêm gan A	Test	300	
122	Test: Cúm A/B + Coivd 19	Test	600	

STT	Tên vật tư, sinh phẩm y tế hoặc tương đương	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
123	Que thử sốt xuất huyết Dengue NS1 Ag	Test	100	
124	Test thử thai nhanh	Test	500	
125	Khí oxy bình 40 lít	Bình	83	
126	Khí oxy bình 8 lít	Bình	54	
127	Oxy lỏng	Kg	10000	
128	Ống giấy đo chức năng hô hấp sử dụng cho máy đo MiniSpir/ Ý(Loại có tuabin)	Ống	150	
129	Ống giấy đo chức năng hô hấp sử dụng cho máy đo MiniSpir/ Ý(Loại không có tuabin)	Ống	1600	
130	Gel bôi trơn KLY 82gr	Tuýp	21	
131	Gel siêu âm Ulsa Gel	Lít	153	
132	Gel điện tim	Tuýp	64	
133	Dầu parafin tiệt trùng	ml	4000	
134	Giấy điện tim 6 cần	Tập	502	
135	Giấy in nhiệt máy siêu âm (kt: 11cm x 20m)	Cuộn	303	
136	Giấy in nhiệt 58mm	Cuộn	101	
137	Giấy nhiệt CT100 K50 (50mm)	Cuộn	51	
138	Dây garo	Cái	30	
139	Xi măng hàn răng Ceivitron	Lọ	5	
140	Xi măng hàn răng Cortismol SP Kit	Hộp	2	
141	Oxy già đậm đặc 30%, chai 500ml	Chai	5	
142	Hyposol 3% hoặc Sodium Hypochlorite 3%	Chai	2	
143	Xi măng trám bít ống tủy	Tuýp	3	
144	Sò đánh bóng răng	Cái	100	
145	Dung dịch Eugenol	Lọ	2	
146	Chất diệt tủy không asen	Lọ	1	
147	Bắc cầm máu Merocel hoặc tương đương, hộp ≥ 50 miếng	Hộp	5	
148	Vật liệu hàn răng, trám răng (Fuji IX hoặc tương đương)	Lọ	2	
149	Canxi hydroxid nha khoa	Lọ	1	
150	Permethrin 50EC	Lít	60	
151	Hộp an toàn	Cái	300	
152	Kit kiểm tra nhanh Formon	Test	80	

STT	Tên vật tư, sinh phẩm y tế hoặc tương đương	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
153	Kit kiểm tra nhanh màu kiềm	Test	140	
154	Kit kiểm tra nhanh hàn the	Test	150	
155	Kit kiểm tra nhanh Nitrit	Test	40	
156	Kit kiểm tra nhanh Metanol trong rượu	Test	80	
157	Kit kiểm tra nhanh thuốc trừ sâu	Test	150	
158	Kit kiểm tra nhanh dấm ăn	Test	60	
159	Kit kiểm tra nhanh Salicylic	Test	40	
160	Kit kiểm tra nhanh độ ôi khét trong dầu mỡ	Test	80	
161	Kit kiểm tra nhanh Hypochlorid	Test	120	
162	Kit kiểm tra nhanh Nitrat	Test	40	
163	Kit kiểm tra nhanh Sunfit trong thực phẩm	Test	30	
164	Kit kiểm tra nhanh Ure	Test	30	
165	Bộ kiểm tra độ sạch bát đĩa (tinh bột và dầu mỡ). Hộp ≥ 200 tờ giấy thu mẫu.	Hộp	5	
	Tổng			